

tham gia làng báo nước nhà từ khoảng năm 1933 ; ông cộng tác với nhiều tờ báo cả Việt lẫn Pháp ngữ, như :

- Hà-nội báo
- Đông-dương tạp chí (bộ mới)
- Tinh hoa
- L'Annam nouveau.

Mặc dù Nguyễn nhược Pháp góp mặt vào làng thơ chỉ vồn vện một tác phẩm duy nhất Ngày xưa, nhưng tác phẩm ấy đã gây được tiếng vang tốt đẹp trong lãnh vực thi ca tiên chiến. Ngày xưa của Nguyễn nhược Pháp đã tự tạo một sắc thái riêng biệt và đánh dấu một đường hướng mới lạ trong thời đại thơ mới, mà tiêu biểu nhất là hai bài được khách yêu thơ mến chuộng : Sơn-tinh Thủy-tinh và Chùa Hương.

Hai bài thơ này, Nguyễn nhược Pháp đã cho mọi người thấy ở ông có một nét độc đáo, đó là cái nhìn sâu rộng, một sức tưởng tượng phong phú, và tài thi-vị-hóa của ông ; thêm vào đó, đọc thơ Nguyễn nhược Pháp người ta thấy đâu đây có những nụ cười tế nhị, duyên dáng, dí dỏm, những hình dáng ngộ nghĩnh, những màu sắc vui tươi. Có thể nói trong các thi nhân tiên chiến, Nguyễn nhược Pháp là một nhà thơ có cái cười ý nhị và tao nhã nhất.

Nhờ hấp thụ nhiều ảnh hưởng tốt đẹp ở phụ thân, học giả Nguyễn văn Vinh, nên Nguyễn nhược Pháp tỏ ra vô cùng xuất sắc trong lãnh vực văn chương ; từ viết báo, viết truyện ngắn, đến làm thơ, viết kịch, nhưng thơ là bộ môn ông thích nhất và cũng chính ở môn này đã tạo cho Nguyễn nhược Pháp một ngôi vị đáng kể trong lịch sử văn học đất nước.

Ngày 19 tháng 11 năm 1938, Nguyễn nhược Pháp qua đời sau bao ngày đau yếu tại bệnh viện Lanessan ở Hà nội. Ông mất, thi đàn Việt-nam đánh mất một thi tài đang hồi phát triển, tựa hồ trong đêm tối trời, bỗng loé lên một mảnh sao băng mang thứ ánh sáng đẹp đẽ, rực rỡ vẽ lên nền trời rồi vụt tắt.

Người ta tin tưởng nếu Nguyễn nhược Pháp không vắn số, với lứa tuổi trẻ đang lên, tài năng đang hồi nảy nở, chắc

NGUYỄN NHƯỢC PHÁP

(1914 — 1938)

NGUUYỄN NHƯỢC PHÁP sinh ngày 12-12-1914, tại Hà-nội (Bắc-phần). Ông là con trai của học giả tên tuổi : Nguyễn văn Vinh, người có công rất nhiều đối với nền văn học đất nước trong giai đoạn chuyển mình giữa cũ và mới, và là người chủ trương nhóm Đông-dương tạp chí.

Ông đã từng theo học tại trường Trung-học Pháp Albert Sarraut Hà-nội ở Ban Trung học, sau khi đỗ bằng Tú tài Pháp, Nguyễn nhược Pháp theo ban Luật-khoa tại trường Cao-đẳng Hà-nội.

Nguyễn nhược Pháp bước vào làng thơ tiên chiến từ năm 1932 với tác phẩm đầu tiên Ngày xưa, xuất bản năm 1935 tại Hà - nội. Ngoài ra ông còn viết truyện ngắn, phóng sự, khảo luận và sáng tác kịch nữa. Năm 1936, Nguyễn nhược Pháp có cho xuất bản vở kịch mang tên Người học vẽ.

Nhờ ảnh hưởng ở thân phụ, Nguyễn nhược Pháp sớm

chất thi đàn đất nước còn đón tiếp thêm nhiều tác phẩm trác tuyệt và giá trị khác của ông.



MÙA xuân năm 1935, làng thơ tiền chiến tiếp nhận một thi phẩm mang tên *Ngày xưa*. Tác giả là một thi nhân trẻ có cái tên xa lạ : Nguyễn nhuộc Pháp.

Nguyễn nhuộc Pháp đến làng thơ hồi ấy như một làn gió mang hương vị vui tươi, cời mờ ; tạo một đường hướng riêng cho mình. Với những vần thơ nhẹ nhàng, dễ mến, ý vị khiến người đọc cảm thấy thoải mái, vui tươi. Nguyễn nhuộc Pháp luôn cho ta nụ cười dí dỏm, nhưng sâu sắc và tế nhị.

Trong *Thi nhân Việt nam*, Hoài-Thanh Hoài-Chân, khi nói về Nguyễn nhuộc Pháp hai nhà phê bình đã viết như sau : « *Đọc thơ Nguyễn nhuộc Pháp, lúc nào hình như cũng thoáng thấy bóng một người đương khúc khích cười. Nhưng, cái cười của Nguyễn nhuộc Pháp khác xa những lối bông lơn khó chịu của các ông Tú, từ Tú-Xuất, Tú-Xương, đến Tú-Mỡ. Nó hiền lành và thanh tao. Nội chừng ấy có lẽ cũng đủ cho nó có một địa vị trên thi đàn. Nhưng còn một điều này nữa mới thật đáng quý : với Nguyễn nhuộc Pháp nụ cười trên miệng bạc giờ cũng kèm theo một ít cảm động trong lòng.* »

Trong thi phẩm *Ngày xưa* Nguyễn nhuộc Pháp còn cho in mấy bức họa của thi sĩ kiêm họa sĩ Nguyễn Giang — anh ruột của ông — đi đôi với hai bài thơ mà người ta cho là hay nhất, đó là bài : *Chùa Hương và Sơn-Tinh Thủy-Tinh*, một làm theo lối ngũ ngôn và một, thất ngôn.

Khởi đầu bài thơ, Nguyễn nhuộc Pháp giới thiệu cái không khí ngày xưa của đất nước thanh bình trong thời vua Hùng-Vương :

*Ngày xưa, khi rừng mây u ám,
Sông núi còn vang um tiếng thần,
Con vua Hùng-vương thứ mười tám,
Mỵ-nương xinh như tiên trên trần...*

Chỉ bốn câu đầu, tác giả đã hội tụ đủ yếu tố thời gian, không gian và những nhân vật muốn nói trong thơ. Đó là một điểm rất hay, nó không làm rườm rà câu chuyện. Sau khi giới thiệu bối cảnh, Nguyễn nhuộc Pháp tả vẻ đẹp của Mỵ-nương như sau :

*Tóc xanh viền má hây hây đỏ,
Thụng nàng bé thắm như san hô,
Tay ngà trắng nõn, hai châu nhỏ.*

Với vẻ đẹp như thế cho nên nhiều người rập rành bản sê, nhà vua cũng vì yêu con quá nên mong sao có được một chàng trai văn võ song toàn để chọn ngôi phò-mã :

*Hùng-vương thường nhìn con vêu quá,
Chấp tay nâng lên trời tạ ân ;
Rồi cười bảo xứng ngôi phò-mã,
Trừ có ai ngang vị thần nhân.*

đó chỉ là điều mơ ước, nhưng :

Hay đâu thần tiên đi lấy vợ !

Những thần ấy chính là Sơn-Tinh và Thủy-Tinh. Hai vị thần này chỉ là những nhân vật tưởng tượng theo truyền thuyết có tính cách thần thoại, không ai biết hình dáng như thế nào cả, Nguyễn nhuộc Pháp cho ta thấy như sau :

*Sơn-Tinh có một mắt ở trán,
Thủy-Tinh râu ria quăn xanh rì.*

Thật nhà thơ có khác, ông đã mô tả hình dáng người hùng cách độc đáo, một người có một mắt ở trán và một thì râu ria quăn xanh rì, thật uy nghi, đường bệ, không ai kém ai. Nguyễn nhuộc Pháp đã khéo cấu tạo nhân vật và mô tả sống thực khiến người đọc có cảm giác như chính tác-giả đã thấy được Sơn-Tinh, Thủy-Tinh và tả lại làm cho câu chuyện trở nên có hồn và lý thú.

Hai thần nhân đã có dị tướng ắt phải có dị tài, nên

Hùng-vương phân vân không biết kén chọn ai ở ngôi phò mã, tác-giả có những câu dí-dòm như :

*Nhưng có một nàng mà hai rề,
Vua cho rằng thế cũng hơi nhiều !*

nên khiến :

Vua nghĩ lâu hơn bàn việc nước.

Đến phương cách di chuyển của hai vị thần cũng tỏ ra vẻ oai vệ :

*Một thần phi bạch hồ trên cạn,
Một thần cưỡi lưng rồng uy nghi.*

Đã đến một cách bề-vệ, oai nghi như thế, thì ít ra các thần cũng phải có một cái gì chờ. thì đây :

*Thủy-Tinh khoe thần có phép lạ,
Dứt lời, tay hất chòm râu xanh,
Bất quyết hồ mảy to nước cả,
Dậm chân rung khắp làng gần quanh.
Ào ào mưa đổ xuống như thác.
Cây xiêu, cầu gãy, nước hồ reo.
Lăn, cuốn, găm, lay, tung sóng bạc,
Bò, lợn, và cột nhà trôi theo.*

Khi thần nhân đã yêu thì cũng biết khoe tài và làm đáng cốt để lấy oai cùng người đẹp, khiến giai nhân phải :

Mỵ-nương ôm Hùng-vương kinh hải.

nhưng :

Sơn-Tinh cười, xin nàng đừng lo.

rồi như để trấn an người đẹp cùng đức vua cha, Sơn-Tinh vội :

*Vung tay niệm chú : Núi từng dải,
Nhà lớn, đôi con lồm ngồm bờ.*

Thật là khôi hài, trào phúng không sao nín cười được ; nhưng cũng đáng buồn phiền thay, chỉ vì một tí diện võ

dương oai của các thần mà đến nỗi « bò, lợn, và cột nhà trôi theo ».

Tuy nhiên, bù lại được chứng kiến một đám cưới kỳ lạ chưa từng có trong 17 đời vua trước. Lễ vật quá trọng hậu, mà chàng rề thì...

*Sơn-Tinh ngồi bạch hồ đi đầu,
Mình phủ áo bào hồng ngọc dát,
Tay ghì cương hồ, tay cầm lau.
Theo sau năm chục con voi xám
Húc húc, lưng cong phủ gấm điều,
Tải bạc, kim cương, vàng lấp lánh,
Sừng tê, ngà voi và sừng hươu.*

và lại càng không thể không ngợp mắt trước anh chàng rề hệt Thủy-Tinh dẫn cả một đoàn quân đi cưới vợ :

*Thủy-Tinh ngồi trên lưng rồng vàng,
Yên gấm tung dài bay đỏ choé.
Mình khoác bào xanh da trời quang,
Theo sau cua đỏ và tôm cá,
Chia đội năm mươi hòm ngọc trai.
Khập khiễng bò lê trên đất lạ,
Trước thành tập tềnh đi hàng hai.*

Hình ảnh một đám cưới kỳ quái, Nguyễn nhước Pháp tạo ra cái cười lý thú.

Khi tả cuộc tranh hùng của hai đoàn quân, tác giả đã dàn trận phía « thủy quân » (Thủy-Tinh) :

*Sóng cả găm reo lẫn như chớp,
Thủy-Tinh cưỡi lưng rồng hung hăng.
Cá voi quất mồm to muốn dớp,
Cá mập quấy đuôi cuồng nhe răng,
Càng cua lồm chồm giơ như mào;
Tôm kễnh chạy quặp đuôi, xôn xao.*

và phía « lục quân » (Sơn-Tinh) cũng vội :

.
*Hoa tay thần vẫy hùm, voi, báo.
 Đaoi quắp, nhe nanh, giơ vuốt đồng,
 Dập long đất núi, găm xông xáo,
 Máu vọt phì reo muôn ngấn hồng.
 Mây đen hăm hờ bay mù mịt,
 Sấm ran, sét động nồ lòe xanh.*

Trình bày hai thế trận trên, tác giả cho ta thấy ngay sự kém thế của Thủy-Tinh :

Tôm lênh chạy quắp đuôi xông xáo.

chứng tỏ sự dao động tinh thần của binh tôm. Rồi đến khi tướng cả thấy « *mây đen hăm hờ bay mù mịt ; sấm ran, sét động nồ lòe xanh* » khiến binh tướng đều kinh hãi :

*Tôm cá xưa nay im thin thít
 Mờ quát mồm to kêu thất thanh.*

Tuy nhiên, phải kể đây là một mặt trận khó đánh, vì chiến địa đã tước đoạt hết những gì sở trường của binh tướng. Như ta đã thấy, thủy binh mà lên cạn thì nó vụng về làm sao :

Theo sau cua đỏ và tôm, cá.

.
*Khập khiễng bò lê trên đất lạ.
 Trước thành tập tễnh đi hàng hai.*

rồi chúng ta nghĩ đến cái luộm thuộm của « bộ binh » hồ, beo v.v... khi phải giáp trận thủy chiến.

Bởi thế, câu chuyện tình của hai vị thần nhân này cứ dàn co mãi mà không giải quyết được, cho nên :

*Thủy-Tinh năm năm dâng nước bề,
 Dục núi hò reo đòi Mỵ-nương,
 Trần gian đâu có người dai thế,
 Cũng bởi thần yêu nên khác thường.*

Ngoài những đoạn thơ mang nụ cười tình nghịch, hóm

hình như vừa nêu, thỉnh thoảng tác giả đem vào vài câu diễn tả tình cảm lâm ly của một Mỵ-nương còn bịn rịn với cha già trước cảnh chia ly :

*Thương người, thương cảnh, xót lòng đau.
 Nhìn quanh, khối tỏ buồn man mác,
 Nàng kêu : « Phụ vương ôi ! Phong-châu ! »*

Đúng là ba tuyệt cú, nó như ba viên ngọc tỏa ra một thứ ánh sáng huyền diệu đã khiến chúng tôi nhớ đến Lưu-trọng-Lưu, cũng một người con gái ra đi lấy chồng, xúc động khi nhìn sông bỗng nhớ hên nước xưa :

*Có cô đầu mới nhìn sông nước
 Sự nhớ quê nhà giọt lệ tuôn.*

(*Diệu huyền — Thế-Lữ*)

rồi đến cảnh cha thương con khi con đã đi rồi :

*Hùng-vương mờ vịn tay bờ thành
 Trông bụi hồng tuôn xa, xa lác,
 Mất nhòa, lệ ngọc ngấn đầm quanh.*

hoặc, như khi Sơn-Tinh đã rước Mỵ-nương, Thủy-Tinh uất hận :

*Chân trời còn phảng bóng người yêu,
 Thủy-Tinh thúc rống đau kêu rú,
 Vừa uất vì thương, vừa bởi kiêu.
 Co hết gân nghiến răng, thần quát :
 — « Giết ! Giết Sơn-Tinh há hờn ta ! »*

Với bài thơ *Sơn-Tinh Thủy-Tinh*, Nguyễn Nhược Pháp đã thành công mỹ mãn trong lãnh vực thi ca thuộc khuynh hướng trào phúng, mà ý vị vô cùng.

Trong *Thi-nhân Việt-nam*, Hoài-Thanh đã xếp Nguyễn Nhược Pháp vào khuynh hướng trào lộng, đồng thời cũng kể là nhà thơ trào phúng độc nhất trong tác phẩm phê bình văn học này. Điều đó không lạ và cũng không có gì quá đáng.

Ngoài nụ cười hóm hỉnh, Nguyễn nhữc Pháp chứng tỏ là một nhà thơ tinh cảm có chân tài, trong các bài như *Một buổi chiều xuân* và *Chùa Hương*.

Trong loại thơ tả tình, tả cảnh, Nguyễn nhữc Pháp dùng chữ thật nhẹ, không rườm rà, tránh sáo ngữ, dễ hiểu nhưng không phải vì đó mà lời văn trở nên nhạt, ngược lại ở các bài thơ tả tình, tả cảnh, ông diễn tả một cách tự nhiên, đượm một tinh cảm chân thành.

Đây, hãy nghe Nguyễn nhữc Pháp tả một buổi chiều xuân :

*Hôm đó buổi chiều xuân,
Trông mây hồng bay vân,
Liền gặp pho kính sử,
Lững thững khỏi lâu vân.*

*Đường leo, nhà lùm khom,
Mái xanh, tường rêu mòn.
Ta nhìn ngậm nga độc,
Cầu đôi cửa màu son
.....
Ô, vườn bao nhiêu hồng !
Hương nghi ngút đầu bông.
Lầu xa tô mái đỏ,
Uốn éo hai con rồng.*

và đây cảnh con đường mòn lên Chùa Hương :

*Đường mây đá cheo veo,
Hoa đỏ, tím, vàng leo.*

cảnh một ngày hội Chùa :

*Sau núi Oản, Gà, Xôi,
Bao nhiêu là khỉ ngồi,
Tới núi con Voi phục,
Cố đủ cả đầu đuôi.*

*Chùa lấp sau rừng cây,
(Thuyền ta đi một ngày)
Lên cửa chùa em thấy
Hơn một trăm ăn mày.*

rồi đến hình dáng một người con gái đang độ trưởng thành :

*Khăn nhỏ đuôi gà cao,
Em đeo giải yếm đào.
Quần lĩnh áo the mới ;
Tay cầm nón quai thao.*

với lứa tuổi đôi mươi, tinh xuân phơi phới, người con gái bao giờ cũng nuôi nhiều giấc mơ :

*Mơ xa, lại nghĩ gần,
Đời mấy kẻ tri âm ?*

và rồi người mà nàng mơ ước đã đến :

*Thuyền nan vừa lẹ bước,
Em thấy một văn nhân.*

*Người đầu thanh lệ thường !
Tướng mạo trông phi thường.
Lưng cao dài, trán rộng.
Hỏi ai nhìn không thương ?*

Người mộng đã đến đây rồi, lòng người con gái bắt đầu xao xuyến chuyện yêu thương ; rồi nàng cảm thấy thẹn thùng, làm dáng :

*Thuyền đi, Bến Dục qua
Mỗi lúc gặp người ra,
Thẹn thùng em không nói :
« Nam mô A-Di-Đà ! »*

và khi đã biết thẹn thùng, làm dáng, người con gái đâm ra lo sợ người trai trẻ ấy chê khen, nên mọi cử chỉ đều được kiểm điểm :

Em đi, chàng theo sau,
Em không dám đi mau,
Ngại chàng chê hấp tấp.
Số gian nan không giàu.

Nguyễn nhước Pháp tỏ ra rất sành tâm lý nên cấu tạo nhân vật chặt chẽ, từ những hành vi nhỏ nhất của người con gái cũng như chàng trai, ông đều khai thác đúng mức:

Từ giấc mơ của người con gái :

Em mơ, em yêu đời,
Mơ nhiều... viết thể thối,
Kéo mà ai xem thấy,
Nhìn em đến nực cười !

đến nỗi vui mừng của nàng khi gặp người thích hợp :

Em ư ? em không câu
Đường vẫn thấy đi mau,
Chàng cũng cho như thế.
(Ra ta hợp tâm đầu).

rồi nàng lại lo sợ ngày vui sắp tàn :

Me vui mừng hã hê :
« Tặc ! con đường mà ghê !
Thầy kêu : « Mau lên nhé !
Chiều hôm nay ta về. »

Em nghe bỗng rụng rời !
Nhìn ai luống ghen lời.
Giờ vui, đời có vậy,
Thoảng ngày vui qua rồi !

nên vội vã nàng tìm một cái gì để lưu niệm :

Em tìm hơi chàng thờ,
Chàng ơi ! chàng có hay ?

và quyết gấu bó :

Yêu nhau, yêu nhau mãi !
Đi, ta đi, chàng ơi !

Ngọn ngút khói hương vàng !
Say trong giấc mơ màng,
Em cầu xin Trời, Phật
Sao cho em lấy chàng.

Đề kết luận, chúng tôi có thể nói, bây giờ nếu cho rằng Nguyễn nhước Pháp là một nhà thơ độc đáo nhất hay bất tử thì cũng có thể quá sớm. Nhưng thời gian sẽ chứng minh điều đó, bởi vì ngoài Nguyễn nhước Pháp, có lẽ thi đàn Việt-nam khó tìm gặp nụ cười duyên dáng, hiền lành và ngộ nghĩnh như thế.

(Ấn bản kỷ nhì 25-4-1968)



Chi tuyển

Sơn-Tinh Thủy-Tinh

Ngày xưa, khi rừng mây u ám,
 Sông núi còn vang um tiếng thần,
 Con vua Hùng-vương thứ mười tám,
 Mỵ-nương xinh như tiên trên trần...
 Tóc xanh viền má hây hây đỏ,
 Miệng nàng bé thắm như san hô,
 Tay ngà trắng nõn, hai chân nhỏ ;
 Mê nàng, bao nhiêu người làm thơ.
 Hùng-vương thường nhìn con yêu quá,
 Chắp tay nâng lên trời tạ ân ;
 Rồi cười bảo xứng ngôi phò mã
 Trừ có ai ngang vị thần nhân.
 Hay đâu thần tiên đi lấy vợ !
 Sơn-Tinh, Thủy-Tinh lòng tơ vương,
 Không quản rừng cao sông cách trở,
 Cũng đến Phong-châu xin Mỵ-nương.
 Sơn-Tinh có một mắt ở trán.
 Thủy-Tinh râu ria quăn xanh rì.
 Một thần phi bạch hổ trên cạn,
 Một thần cưỡi lưng rồng uy nghi.
 Hai thần bên cửa thành thi lễ,
 Hùng-vương âu yếm nhìn con yêu.
 Nhưng có một nàng mà hai rề,
 Vua cho rằng thể cùng hơi nhiều !
 Thủy-Tinh khoe thân có phép lạ.
 Dứt lời, tay hất chòm râu xanh,

Bất quyết hò mây to nước cả,
 Dậm chân rung khắp làng gần quanh.
 Áo ào mưa đổ xuống như thác,
 Cây xiêu, cầu gãy, nước hò reo,
 Lăn, cuốn, găm, lay, tung sóng bạc,
 Bò, lộn, và cột nhà trôi theo.
 Mỵ-nương ôm Hùng-vương kinh hãi,
 Sơn-Tinh cười, xin nàng đừng lo !
 Vung tay niệm chú : Núi từng dải,
 Nhà lớn, đồi con lồm ngồm bờ.
 Chạy mưa. Vua tùy con kén chọn.
 Mỵ-nương khép nép như cành hoa :
 « Con đây phận đào tơ bé mọn,
 Nhãn duyên cúi dề quyền mẹ cha. »
 Vua nghĩ lâu hơn bàn việc nước,
 Rồi bảo mai lửa hồng nhuộm sương,
 Lễ vật thần nào mang đến trước,
 Vui lòng vua gả nàng Mỵ-nương.

Bình minh má ửng đào phơn phớt,
 Ngọc đỏ rung trên đầu lá xanh.
 Ngọn liễu chim vàng ca thánh thót,
 Ngự giá Hùng-vương lên mặt thành.
 Mỵ-nương bên lầu son tựa cửa,
 Rèm ngọc lơ thơ phủ áo hồng
 Cánh nhạn long lanh vờn ánh lửa,
 Mê nàng, chim ngẩn lưng trời đông,
 Rừng xanh thả mây đào man mác,
 Sơn-Tinh ngồi bạch hồ đi đầu.
 Minh phủ áo bào hồng ngọc dát,
 Tay ghì cương hồ, tay cầm lau.

Theo sau năm chục con voi xám
 Húc hặc, lưng cong phủ gấm điều,
 Tái bạc, kim cương, vàng lấp lánh,
 Sừng tê, ngà voi và sừng hươu.
 Hùng-vương trên mặt thành liễu rủ,
 Hớn hờ thần trông, thoáng nộ cười,
 Thần suốt đêm sao dài không ngủ,
 Mây ngai, mặt phượng vẫn còn tươi.
 Sơn-Tinh đến lạy chào bên cửa,
 Vua thân ngự đón nàng My-nương.
 Lầu son nàng ngoạn trông lần lửa,
 Mi xanh lệ ngọc mờ hơi sương.
 Quỳ lạy cha già lên kiệu bạc,
 Thương người, thương cảnh xót lòng đau.
 Nhìn quanh, khối tỏa buồn man mác,
 Nàng kêu : « Phụ-vương ôi ! Phong-châu ! »
 Kiệu nhỏ đưa nàng đi thoăn thoắt,
 Hùng-vương mớ vịn tay bờ thành,
 Trông bụi hồng tuôn xa, xa lắc,
 Mắt nhòa lệ ngọc ngấn dăm quanh ..

Thoảng gió vù vù như gió bè,
 Thủy-Tinh ngồi trên lưng rồng vàng,
 Yên gấm tung dài bay đỏ choé,
 Minh khoác bào xanh da trời quang.
 Theo sau cua đỏ và tôm cá,
 Chia đội năm mươi hòm ngọc trai.
 Khập khiễng bò lê trên đất lạ,
 Trước thành tấp tễnh đi hàng hai.
 Hùng-vương mặt rồng chau ủ rũ,
 Chân trời còn phảng bóng người yêu,
 Thủy-Tinh thúc rồng đau kêu rú,

Vừa uất vì hương, vừa bởn kiêu.
 Co hết gân nghiêng răng, thần quát :
 — « Giết ! Giết Sơn-Tinh hả hồn ta ! »
 Tức thời nước sủi reo như thác,
 Tôm cá quăng ngọc trai mà hoa.

Sơn-Tinh đang kèm theo sau kiệu,
 Áo bào phơ phất nộ cười bay.
 (Vui chỉ mê ai xinh mới hiền)
 Thần trông kiệu nhỏ hồn thêm say.
 Chuàng nghe sóng vỗ reo như sấm,
 Bạch hồ dừng chân, lùi, vênh tai.
 My-nương tung bức rèm đỏ thắm,
 Sơn-Tinh trông thấy càng dương vai
 Sóng cả gầm reo lẫn như chớp,
 Thủy-linh cười lưng rồng hung hăng,
 Cá voi quác mõm to muốn dớp,
 Cá mập quẫy đuôi cuồng nhe răng,
 Càng cua lồm chồm giơ như mào,
 Tôm kình chạy quắp đuôi xôn xao.
 Sơn-Tinh hiểu thần ghen, tức khắc
 Niệm chú, đất nầy vù lên cao.
 Hoa tay thần vẩy hùm, voi, báo.
 Đuôi quắp, nhe nanh, giơ vuốt đồng,
 Đạp long đất núi, gầm xông xáo,
 Máu vọt phì reo muôn ngấn hồng.
 Mây đen hăm hờ bay mù mịt,
 Sấm ran, sét động nồm loè xanh.
 Tôm cá xưa nay im thin thít,
 Mỡ quác mõm to kêu thất thanh.
 My-nương kinh hãi ngồi trong kiệu,
 Bỗng chợt nàng kêu, mắt lệ nhòa.

(Giọng kiêu hay buồn không ai hiểu,
Nhưng thật dễ thương.) : « Ôi ! vì ta ! »

Thủy-Tĩnh năm năm dâng nước bèo,
Dục núi hò reo đòi Mỵ-nương.
Trần gian đâu có người dai thể,
Cũng bởi thần yêu nên khác thường !

(4-1933, tập thơ Ngày xưa)

*

Chùa Hương

Thiên ký sự của một cô bé

Hôm nay đi Chùa Hương,
Hoa cỏ mờ hơi sương.
Cùng thầy mẹ em dậy,
Em vẫn đầu soi gương.

Khăn nhỏ, đôi gà cao,
Em đeo giải yếm đào ;
Quần lĩnh áo the mới,
Tay cầm nón quai thao.

Mẹ cười : « Thầy nó trông !
Chân đi đôi dép cong,
Con tôi xinh xinh quá !
Bao giờ cô lấy chồng ? »

Em tuy mới mười lăm
Mà đã lắm người thăm,
Nhờ mỗi mai đưa tiếng,
Khen tươi như trắng rằm.

Nhưng em chưa lấy ai,
Vì thầy bảo người mai
Rằng em còn bé lắm !
(Ý đợi người tài trai).

Em đi cùng với mẹ.
Mẹ em ngồi cáng tre,
Thầy theo sau cưỡi ngựa,
Thất lưng dài đồ hoe.

Thầy mẹ ra đi đò,
Thuyền mấp mênh bên bờ :
Em nhìn sông nước chảy,
Đưa cánh bướm lơ nhô.

Mơ xa lại nghĩ gần,
Đời mấy kẻ tri âm ?
Thuyền nan vừa lẹ bước,
Em thấy một văn nhân.

Người đầu thanh lạp thường !
Tướng mạo trông phi thường.
Lưng cao dài, trán rộng.
Hỏi ai nhìn không thương ?

Chàng ngồi bên mẹ em,
Mẹ hỏi chuyện làm quen :
« Thừa thầy đi chùa ă ?
Thuyền đông, trời ôi, chen ! »

Chàng thưa : « Vâng, thuyền đông ! »
Rồi ngắm trời mênh mông ;
Xa xa mờ núi biếc,
Phơn phớt áng mây hồng.

Dòng sông nước đục lờ.
Ngâm nga chàng đọc thơ.
Thầy khen : « Hay ! Hay quá ! »
Em nghe rồi ngẩn ngơ.

Thuyền đi. Bến Đục qua,
Mỗi lúc gặp người ra,
Thẹn thùng em không nói :
« Nam vô A-Di-Dà » !

Kéo rất suối đưa quanh.
Ven bờ, ngọn núi xanh.
Nhịp cầu xa nhỏ nhỏ.
Cảnh đẹp gần như tranh.

Sân núi Oản, Gà, Xôi,
Bao nhiêu là khí trời.
Tới núi con Voi phục,
Có đủ cả đầu đuôi.

Chùa lấp sau rừng cây,
(Thuyền ta đi một ngày)
Lên cửa chùa em thấy,
Hơn một trăm ăn mày.

Em đi, chàng theo sau,
Em không dám đi mau,
Ngại chàng chê hấp tấp,
Sở gian nan không giàu.

Thầy me đến điện thờ,
Trầm hương khói tỏa mờ.
Hương như lễ sao lạc,
Lớp sống người lơ lơ.

Chen vào thật lấm công.
Thầy me em lễ xong,
Quay về nhà ngang báo :
« Mai mới vào chùa trong. »

Chàng hai má đỏ hồng
Kêu với thằng tiểu đồng
Mang túi thơ bầu rượu :
« Mai ta vào chùa trong ! »

Đêm hôm ấy em mừng.
Mùi trầm hương bay lừng.
Em nằm nghe tiếng mõ,
Rồi chìm kêu trong rừng.

Em mơ, em yêu đời !
Mơ nhiều... Viết thề thoi !
Kéo ai mà xem thấy,
Nhìn em đến nước cười !

Em chưa tỉnh giấc nồng,
Mây núi đã pha hồng.
Thầy me em sắp sửa
Vàng hương vào chùa trong.

Đường mây đá cheo veo,
Hoa đỏ, tím, vàng leo.
Vì thương me quá mệt,
Sấn sức chàng đi theo.

Me bảo : « Đừng còn lâu,
Cứ vừa đi vừa cầu
Quan-Thế-Âm Bồ-Tát
Là tha hồ đi mau ! »

Em ư ? Em không cầu,
 Đường vẫn thấy đi mau.
 Chàng cũng cho như thế.
 (Ra ta hợp tâm đầu).

Khi qua chùa Giải oan,
 Trông thấy bức tường ngang,
 Chàng đưa tay lẹ bút
 Thảo bài thơ liên hoàn.

Tám tắc thầy khen : « Hay !
 Chữ đẹp như rồng bay. »
 (Bài thơ này em nhớ,
 Nên chớ chép vào đây).

Ô ! Chùa trong đây rồi !
 Động thắm bóng xanh ngời,
 Gấm theu trần thạch nhũ,
 Ngọc nhuộm hương trầm rơi.

Me vui mừng hã hê :
 « Tặc ! Con đường mà ghê ! »
 Thầy kêu : « Mau lên nhé !
 Chiều hôm nay ta về. »

Em nghe bỗng rung rời
 Nhìn ai luống ghen lời !
 Giờ vui đời có vậy,
 Thoảng ngày vui qua rồi !

Làn gió thổi hây hây,
 Em nghe tà áo bay,
 Em tìm hơi chàng thổi.
 Chàng ôi, chàng có hay ?

Đường đây kia lên trời,
 Ta bước tựa vai cười.
 Yêu nhau, yêu nhau mãi !
 Đi, ta đi, chàng ôi !

Ngọn ngút khói hương vàng
 Say trong giấc mơ màng,
 Em cầu xin Trời, Phật
 Sao cho em lấy chàng.

(Thiên ký sự đến đây là hết. Tôi tin rồi
 hai người lấy nhau, vì không lấy được
 nhau thì cô bé còn viết nhiều. Lấy nhau
 rồi là hết chuyện.)

(Trích tập thơ Ngay xưa)

*

Một buổi chiều xuân

Hôm đó buổi chiều xuân,
 Trông mây hồng bay vân,
 Liền gập pho kinh sử,
 Lững thững khỏi lầu văn.

Đường leo, nhà lom khom,
 Mái xanh, tường rêu mòn.
 Ta nhìn, ngâm nga đọc
 Câu đối cửa màu son.

Phu khiêng kiệu ngăn ngơ
 Thấy lại và thấy thơ
 Ngồi xôm cười bên lọng
 Trước cửa tòa đình cơ.

Cương da buộc thân cây,
 Vài con ngựa lặc đây,
 Nghênh đầu lên gập lá,
 Đập chân nghiêng mình xoay.

Đi vui rồi vắn vớ,
 Hay đâu thức còn mơ.
 Lạc vào trong vườn rộng,
 Mềm vẫn còn ngâm thơ !

Ô ! Vườn bao nhiêu hồng !
 Hương nghi ngút đầu bông.
 Lầu xa tổ mái đỏ,
 Uốn éo hai con rồng.

Thoảng tiếng vàng thanh tao,
 Bên giàn lý bờ ao.
 Một nàng xinh như liễu
 Ngồi ngắm bóng hoa đào.

Tay cầm bút đề thơ,
 Tì má hờn vắn vớ,
 Nàng ngâm lời thánh thót.
 Ai không người ngẩn ngơ !

Ta lặng nhìn hơi lâu
 — Nhưng thì giờ đi mau —
 Dừng ngay gần non bộ,
 Có ông lão ngồi câu.

Nàng chợt nghiêng thân ngã ;
 Thoảng bóng người xa xa,
 Reo kinh hoàng, e lệ,
 Đưa rơi cành bút hoa.

Ta mơ chưa lại hồn,
 Nàng lẹ gót lầu son.
 Vừa toan nhìn nét phượng,
 Giấy thẹn bay thu tròn...

Thiên ký sự của một thư sinh đời trước.
 6-5-1933

Nguyễn Nhưộc Pháp

*

Tay ngà

Đêm nay chờ trăng mọc,
 Ngồi thần thơ trong vườn.
 Quanh hoa lá róc rách,
 Như đua bắt làn hương.

Ta ngồi bên tảng đá,
 Mơ lều chiếu ngày xưa,
 Mơ quan Nghè, quan Thám
 Đi có cờ lọng đưa.

Rồi bao nàng yểu điệu
 Ngập ghé bay trên lầu,
 Vừa leng keng tiếng ngựa,
 Lẹ gót tiên gieo cầu.

Tay vợ cầu ngư sắc,
 Mã quan Nghè hây hây.
 Quân hầu reo chuyển đất,
 Tung cán lọng vừa quay.

Trên lầu mấy thị nữ
 Cùng nhau khúc khích cười :
 « Thừa cô đừng thẹn nữa,
 Quan Nghè trông lên rồi ! »

Cúi đầu nàng tha thướt,
Yêu kiều như mây qua.
Mắt xanh nhìn man mác,
Mím cười về cảnh hoa.

Ta còn đang luyến mộng,
Yêu bóng người vãn vợ ;
Tay ngà ai phủ trán ?
Hiu hắt ánh trăng mờ...

2-5-1934, tập thơ Ngày xưa

*

Giếng Trọng-Thủy

Đêm khuya, gió lốc, mây đen vần,
Cỏ lướt gieo mình vực giếng thâm ;
Trọng-Thủy nằm trên làn nước sủi.
Tiếng mõ cầm canh xa âm thầm.

Phơn phớt hồn ma dóm* lập loè.
Cú rúc. Đàn dơi bay tứ bề.
Răng rắc kêu như tiếng xương đập,
Gió rền, quỷ khóc, lay cành tre.

Nhấp nhoáng xiên trời chớp toé xanh,
Gầm ran sấm chuyền, mây bùng phanh.
Mưa đập. Tù và rền vắng vắng,
Hiệu lính tuần kêu trên mặt thành.

1-1933, tập thơ Ngày xưa

Mỵ - Châu

Lấy thần chàng đổi móng
Lông ngỗng thiếp đưa đường.
Nguyễn khắc Hiếu

I

Đêm hôm gió khóc thời ru cành ;
Núi bạc âm thầm, bề uốn xanh.
Hiu hắt Mỵ-Châu nằm trắng phủ.
Ầm ầm sóng thâm vỗ vờn quanh.

Cát vàng le lói muôn hàng châu ;
Long lanh trai tuyết nhìn canh trâu.
Thương ai sao biết thăm gieo lệ,
Sương mờ bay tỏa bạc ngàn lau.

Chân nàng hoa lả nhuộm màu sương
Vùng trắng lạnh lẽo, chim kêu buồn.
Thân ngà tóc rủ vờn man mác,
Thiêm thiếp em chờ ai bên đường.

II

Bơ vơ Trọng-Thủy lạc rừng hoang,
Vời theo lông ngỗng rơi bên đàng ;
Đau lòng mắt nặng rừng đêm lạnh
Thoảng tiếng trống thừa chen lá vàng.

Lấy thần trao móng, chàng đi xa.
Yêu nhau sao nở bạc nhau mà ?
Chàng đi — cho bao giờ gặp gỡ ! —
Phiên-ngung nước cũ lệ chan hòa.

Nào lúc con thuyền sóng vỗ quanh,
 Hiu hiu mây thoáng đa trời xanh,
 Xiêm bay theo gió, hồn vợ vờn.
 Gương biếc nòng xưa ém tô hình.

Nào lúc chiều hôm vang lửa hồng,
 Chim bay tan tác, trời mênh mông.
 Lẹ gót hài tiên nòng yêu điệu,
 Bên lầu tựa cửa cuốn rèm trông.

Nào lúc đêm thanh mờ bóng trắng,
 Nhìn mây nòng gợi tiếng dương cầm.
 Tóc liễu đua bay vờn má ngọc,
 Lời ca thánh thót, chàng quên chẳng ?

Bơ vơ ngày cũ tường càng đau,
 Tìm trông phương nào, hỡi Mỵ-Châu ?
 Lòng ngổng cầm tay nhòa ánh lệ,
 Chàng đi man mác buồn, đêm thâu.

III

Thiếp thiệp ai bên đường, hỡi ôi !
 Chàng ôm khóc nghẹn chẳng ra lời,
 — Dầu non mây bạc êm đêm phủ,
 Phơn phớt hồn em bay, ngậm cười...

1-1933, tập thơ *Ngày xưa*

*

Đi công

Lệ công thì phải chọn nho sĩ,
 thầy thuốc, thầy bói, thầy toán
 số và thợ thuyền mỗi hạng ba
 người, cùng các đồ sắn vật như
 là sừng tê, ngà voi, đồi mồi,
 châu báu và các vật lạ.

Trần Trọng Kim

Núi cao, lửa hồng reo chói lọi,
 Đỏ vàng cây cối um tùm xanh.
 Khi loè nắng lóa, khi thâm tối,
 Sườn non con đường mềm uốn quanh.

Hiu hắt cờ bay tua phơ phất,
 Binh lính hồ reo găm bốn phương.
 Nón đỏ, bao vàng, chân dậm đất,
 Một toán đập rừng um dẫn đường.

Mặc áo bào xanh, ngồi ngựa trắng,
 Sư nghe nhạc lác vang bên rừng.
 Hai bên hai lọng vàng che nắng,
 Trời, mây, trông non nước muôn trùng !

Mười xe bịt đồng, trâu mập kéo,
 Bánh sắt khi kê lên sườn non,
 Đá đồ ăm ăm như sấm réo,
 Gầm nháy xuống vực sâu kêu ròn.

Trên xe nào mâm vàng dát ngọc,
 Châu báu, sừng tê và ngà voi ;
 Hai pho tượng vàng đỏ đồng đúc ;
 Bào nạm kim cương, đai đồi mồi.

Bình lính hờ quanh hoa giáo mác
— Vô tướng khua đao to lăm lăm —
Hễ thấy đường chênh kể miệng thác,
Bỏ giáo lên xe xoay bánh, vắn.

Thầy nho, thầy thuốc bên thầy bói,
Thợ thêu, thợ chạm cùng thợ nề,
Mỗi người đeo một cái khăn gói
Đồ buồng cương ngựa theo gần xe.

Lúc ấy trời xanh không u ám,
Đầu non không tờ mờ bóng sương,
Làm sao họ âu sầu thăm đạm ?
Buồn thay ! người cổ quận tha hương.

Xe đi mỗi lúc một thêm khó.
Hang sâu hồ đối rên vang lừng ;
Những con trăn xám vắng như gió,
Quạt đuôi dề gây bẹp cây rừng.

Sứ bồng nhìn quanh buồn ủ rũ ;
Xa xa ngọn cờ vàng phất phơ !
Vợ con ở chân trời mây phủ,
Hắn đang nhìn bóng nhận mong chờ...

Hỡi ai đi thần thơ miền núi !
Nhìn ngọn cây xanh gió thổi ào,
Tưởng lại cờ xưa vàng chói lọi,
Nên yêu người cũ hồn trên cao.

10-3-1933, tập thơ Ngày xưa

*

M y - ê

Buồm nhô rẽ sóng, Mỵ mơ màng,
Tay cuốn mền hoa, khóc gọi chàng.
Thân liễu gieo đưa chìm vực biếc,
Lời thương bay lạnh động rừng vang.
Hoa trôi. Thành cũ vườn mây lửa,
Lau gợn. Chùa cao giỏ tiếng vàng
Ủ lệ, tay ngà ôm ngực huyết,
Mỵ vờn theo sóng đạt bờ hoang.

5-1933, tập thơ Ngày xưa

*

Nguyễn thị Kim khóc Lê Chiêu-Thông

Triều Lê-quí có nàng tốt liệt

Nhà tan, nước mất, chàng đi thôi.
Thiếp nén lòng đau khóc nghẹn lời,
Chậm bước đành nương mình bóng Phật ;
Màng tin trông ngóng nhận chân trời.
Chuông đồng cảnh vắng, hồn mơ sáng,
Trống lạnh, đêm sâu, cú đờ hồi.
Thê thảm, chàng đi, về có vậy !
Thiếp chờ ai nữa ? Hỡi chàng ôi !

30-12-1932, tập thơ Ngày xưa

*

M ầ y

*Người xưa mơ, nhìn mây
Đen, đỏ, vàng đua bay,
Khi thấy nhiều ma quỷ,
Lời than trời lung lay ;*

*Khi thấy hồn người thân,
— Nhìn mây lệ khôn cầm ! —
Trên bầu xe tứ mã,
Tiếng bánh lăn âm thầm ;*

*Khi thấy muôn nàng tiên
— Lồng lộng màu thanh thiên ! —
Véo von trâm tiếng địch,
Lửa hồng vờn áo xiêm.*

*Ngày nay ta nhìn mây,
Mây đen luống gió lay,
Hồn xưa tìm chẳng thấy
Tóc theo luồng gió bay...*

25-1-1934, tập thơ *Ngày xưa*

